TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 01 - 2023.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lý A Hờ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Nguyễn Ngọc Tuấn

2. bà Sùng Thị Mỷ

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Bá Đạt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái *tham gia phiên toà*: ông Đoàn Xuân Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/ TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Lý A T, sinh năm 1989; Trú tại: bản Tà D, xã Cao P, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái - vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* chị Vàng Thị T, sinh năm 1991; Nơi ĐKNKTT: bản Tà D, xã Cao P, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các biên bản ghi lời khai trong quá trình tham gia tố tụng anh Lý A T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Vàng Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, đến ngày 09/07/2014 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao P, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, nên đã nảy sinh nhiều mâu

thuẫn, đến năm 2018 chị T đã bỏ nhà ra đi, đến nay không về, thi thoảng mới gọi điện về hỏi thăm gia đình và các con, anh T có hỏi hiện đang ở đâu nhưng chị T không cho biết, chỉ nói là không về nữa. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy anh T đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với chị Vàng Thị T.

Về con chung: có 02 con chung là Lý A L sinh ngày 23/12/2012 và Lý A H sinh ngày 09/7/2014, hiện các con đang ở cùng với anh T tại nơi cư trú, ly hôn anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu, không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài Tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

***Đối với bị đơn**:* Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, đề nghị chị T trình bày ý kiến của mình và tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử. Tuy nhiên chị T đều vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 14/12/2022 tại UBND xã Cao P thể hiện:

Anh T và chị T có mỗi quan hệ hôn nhân và con chung như anh T đã trình bày trong thời gian chung sống anh T và chị T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung; nay chị T không có mặt tại địa phương, thi thoảng mới gọi điện về cho con và gia đình, người nhà cũng như chính quyền địa phương có hỏi về địa chỉ cụ thể nhưng chị T không cho biết; về điều kiện nuôi con mặc dù anh T không có việc làm ổn định nhưng vẫn có nhà cửa, ruộng, nương bảo đảm việc nuôi dậy hai con chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/12/2022 đối với cháu Lý A L và Lý A H thể hiện: Nếu bố mẹ ly hôn thì đều có nguyện vọng được ở cùng bố.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử, thư ký tòa án tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được thông báo, triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt, nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị T.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng Lý A L sinh ngày 23/12/2012 và Lý A H sinh ngày 09/7/2014, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Anh Lý A T khởi kiện xin ly hôn, chị Vàng Thị T có hộ khẩu thường trú tại bản Tà D, xã Cao P, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Do đó căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn chị Vàng Thị T đã được Tòa án tống đạt, niên yết văn bản triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn anh Lý A T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, chị T đã bỏ nhà đi khỏi nơi cư trú không còn chung sống với anh T nữa, thi thoảng mới gọi điện về hỏi thăm gia đình và các con. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị T đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị T.

[3] Về con chung: Nay chị T đã đi khỏi nơi cư trú; các con hiện đang ở với anh T, anh T có đủ mọi điều kiện để chăm sóc, giáo dục; tại biên bản lấy lời khai đối với cháu Lý A L và cháu Lý A H thì nếu bố mẹ ly hôn cả 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của các cháu Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T xử để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu Lý A L và cháu Lý A H, chị T không phải cấp dưỡng là pH hợp.

[4] Về tài sản chung: anh T không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về ý kiến giải quyết của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là pH hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, bảo đảm đúng quyền và lợi ích của các bên đương sự nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh Lý A T là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiên kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó cần Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh T.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý A T, xử cho anh T được ly hôn chị Vàng Thị T.

2. Về con chung: Giao cho anh Lý A T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý A L sinh ngày 23/12/2012 và Lý A H sinh ngày 09/7/2014. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lý A T.

4. Về quyền kháng cáo: anh Lý A T và chị Vàng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Cap P;
- Lưu HS.

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lý A Hờ